

BỘ TƯ PHÁP
Số: 06/2003/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2003

của Chính phủ về hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ quy định tại Điều 47 và Điều 58 của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 87/2003/NĐ-CP) như sau:

1. Về Tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài

1.1. Tổ chức luật sư nước ngoài nói tại Nghị định số 87/2003/NĐ-CP là tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hành nghề hợp pháp ở nước ngoài.

1.2. Giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 và Khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP là một trong các loại giấy tờ sau đây:

a) Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

b) Hợp đồng hợp danh, điều lệ công ty;

c) Giấy tờ xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài về việc thành lập và hoạt động hợp pháp.

1.3. Luật sư nước ngoài nói tại Nghị định số 87/2003/NĐ-CP là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có giấy phép hành nghề luật sư do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

Trong trường hợp công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có giấy phép hành nghề luật sư do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp muốn hành nghề với tư cách là luật sư nước ngoài tại Việt Nam, thì phải tuân theo quy định của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP.

2. Về Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, luật sư Việt Nam

2.1. Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh Việt Nam nói tại Nghị định số 87/2003/NĐ-CP là Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh được thành lập hoạt động theo quy định của Pháp lệnh Luật sư năm 2001.

2.2. Luật sư Việt Nam là người đã gia nhập một Đoàn luật sư và có Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định của Pháp lệnh Luật sư năm 2001.

3. Về hồ sơ xin thành lập Chi nhánh, Công ty luật nước ngoài, Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam (sau đây gọi chung là Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam)

3.1. Tổ chức luật sư nước ngoài muốn thành lập Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải làm một bộ hồ sơ theo quy định của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP.

3.2. Trong trường hợp hai hoặc nhiều tổ chức luật sư nước ngoài xin phép thành lập chung một Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, thì đơn xin phép thành lập Công ty luật nước ngoài phải do người đứng đầu của các tổ chức luật sư nước ngoài hoặc người được đứng đầu của các tổ chức luật sư nước ngoài đó uỷ quyền ký.

3.3. Trong trường hợp tổ chức luật sư nước ngoài muốn thành lập nhiều Chi nhánh tại Việt Nam, thì phải làm thủ tục xin phép riêng đối với mỗi Chi nhánh.

Mỗi Chi nhánh chỉ được có một trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi được phép đặt Chi nhánh.

3.4. Tên gọi của Chi nhánh phải bao gồm cụm từ "Chi nhánh", tên tổ chức luật sư nước ngoài và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi được phép đặt Chi nhánh.

Tên gọi của Công ty luật nước ngoài phải bao gồm cụm từ "Công ty luật" và tên của tổ chức luật sư nước ngoài.

Tên gọi của Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam do tổ chức luật sư nước ngoài và Công ty luật hợp danh Việt Nam lựa chọn nhưng phải bao gồm cụm từ "Công ty luật hợp danh".

4. Về thủ tục cấp Giấy phép thành lập Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam

4.1. Hồ sơ xin thành lập Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam được gửi đến Bộ Tư pháp. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp có thể yêu cầu bổ sung hoặc làm rõ những thông tin trong hồ sơ. Thời hạn xem xét hồ sơ và cấp Giấy phép quy định tại Điều 20 của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP được tính từ ngày hoàn thiện hồ sơ.

4.2. Vụ Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp nhận và thẩm tra hồ sơ xin thành lập Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

5. Về thủ tục thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam

5.1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam thay đổi tên gọi trong những trường hợp sau đây:

- a) Tên gọi của tổ chức luật sư nước ngoài thay đổi theo quy định của pháp luật nước ngoài;
- b) Tên gọi của Công ty luật hợp danh Việt Nam trong Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam thay đổi theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- c) Tên gọi của Công ty luật nước ngoài thay đổi trong trường hợp sáp nhập hoặc hợp nhất các Công ty luật nước ngoài.

5.2. Trong trường hợp thay đổi Trưởng Chi nhánh, Giám đốc Công ty luật nước ngoài, Giám đốc Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam, thì kèm theo đơn xin phép phải có văn bản cử luật sư khác làm Trưởng Chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài, Giám đốc Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam.

5.3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Bộ Tư pháp có văn bản chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép; trong trường hợp từ chối, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

6. Về việc lập chi nhánh của Công ty luật nước ngoài, của Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam

6.1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định cho phép lập chi nhánh, Công ty luật nước ngoài, Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam phải đăng ký hoạt động của chi nhánh tại Sở Tư pháp của địa phương, nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

6.2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Công ty luật nước ngoài, chi nhánh của Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam.

7. Về hồ sơ hợp nhất Công ty luật nước ngoài

7.1. Hai hoặc nhiều Công ty luật nước ngoài có thể thỏa thuận hợp nhất thành một Công ty luật nước ngoài mới.

Hồ sơ hợp nhất Công ty luật nước ngoài gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Đơn xin hợp nhất;
- b) Bản sao Giấy phép thành lập của các Công ty luật nước ngoài xin hợp nhất;
- c) Bản sao hợp đồng hợp nhất;
- d) Văn bản thỏa thuận cử Giám đốc Công ty luật nước ngoài mới.

7.2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Bộ Tư pháp chấp thuận việc hợp nhất dưới hình thức cấp Giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài mới.

7.3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài mới, các Công ty luật nước ngoài xin hợp nhất phải nộp lại Giấy phép

thành lập cho Bộ Tư pháp, Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền cấp con dấu.

8. Về thủ tục sáp nhập Công ty luật nước ngoài

8.1. Một hoặc nhiều Công ty luật nước ngoài có thể sáp nhập vào một Công ty luật nước ngoài khác. Trong trường hợp việc sáp nhập làm thay đổi một trong các nội dung của Giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài nhận sáp nhập, thì Công ty này phải thực hiện thủ tục thay đổi nội dung Giấy phép theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 87/2003/NĐ-CP.

8.2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày sáp nhập, các Công ty luật nước ngoài sáp nhập phải nộp lại Giấy phép thành lập cho Bộ Tư pháp, Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền cấp con dấu.

9. Về việc tạm ngừng hoạt động của Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam

9.1. Trong trường hợp tự quyết định tạm ngừng hoạt động, thì Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải gửi thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng hoạt động cho Bộ Tư pháp chậm nhất là 30 ngày, trước ngày dự định tạm ngừng hoạt động. Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động phải nói rõ lý do và thời hạn dự định tạm ngừng hoạt động.

Thời hạn mỗi lần tạm ngừng hoạt động của Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam tối đa là một năm và có thể được xem xét gia hạn một lần không quá một năm.

9.2. Trong trường hợp Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam tạm ngừng hoạt động do bị xử phạt vi phạm hành chính dưới hình thức đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì thời hạn tạm ngừng hoạt động được ghi trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

10. Về việc nhận luật sư tập sự Việt Nam

10.1. Khi nhận luật sư tập sự Việt Nam vào tập sự hành nghề, Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam cử luật sư nước ngoài hoặc luật sư Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn luật sư tập sự đó.